

Bản án số: 70 /2018/HS-ST
Ngày 28 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VY, TỈNH VP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Thịnh;
Bà Vũ Thị Kim D.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố VY.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VY, Tòa án nhân dân thành phố VY xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65 /2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Diệp Văn N, sinh ngày 02/7/1989 tại VP; nơi cư trú: Thôn CY 2, xã HC, huyện TĐ, tỉnh VP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Diệp Văn Đ và bà Lâm Thị T vợ: Phùng Kim T; con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2014/HSST ngày 24/12/2014 Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh VP xử phạt bị cáo N 2 năm 6 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 08/9/2016 (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh VP (có mặt).

2. Lãng Văn T, sinh ngày 18/9/1997, tại VP; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh VP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lãng Văn L và bà Hoàng Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh VP (có mặt).

Bị hại: Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thị trấn TT, huyện TT, tỉnh PT (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1979 (có mặt);
2. Ông Lãng Văn L, sinh năm 1976 (có mặt).

Đều có nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh VP.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15/01/2018, Lãng Văn T điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 88E1 – 177.37 chở Diệp Văn N đi từ đường Lê Duẩn, phường LB, thành phố VY về nhà ở huyện TĐ, khi N và T đi đến khu vực đối diện cổng công ty Điện lực thành phố VY thì nhìn thấy anh Hoàng Văn Đ điều khiển xe đạp điện chở chị Đoàn Thị D đang đi phía trước. N nhìn thấy chị D đang cầm chiếc điện thoại Samsung Galaxy note 4, màn hình cảm ứng trên tay nên N nói với T “Điện thoại kia, lấy đi”, T hiểu ý N là cướp giật chiếc điện thoại của chị D nên đồng ý rồi tăng ga xe máy vượt lên bên trái xe đạp điện của anh Đ. Khi xe máy do T điều khiển song song với xe đạp điện của anh Đ, N ngồi phía sau dùng tay trái giật chiếc điện thoại chị D đang cầm trên tay. Sau khi N giật được điện thoại của chị D, T phóng xe máy bỏ chạy theo Quốc lộ 2B về hướng TĐ, trên đường đi N tháo sim điện thoại rồi ném bỏ ven đường. Sau đó, N và T vào hát Karaoke tại quán QC của chị Nguyễn Thị L ở xã HS, huyện TĐ, N gửi chiếc điện thoại Samsung Galaxy Note 4 và chiếc điện thoại Iphone 5 cho chị L. Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày T về trước, còn N hát thêm một lúc rồi thanh toán tiền và lấy lại 02 chiếc điện thoại. Khoảng 09 giờ ngày 16/01/2018, N cầm chiếc điện thoại cướp giật được đến cửa hàng điện thoại TĐ Mobile, ở xã HC, huyện TĐ gặp chị Đặng Thị V là nhân viên của quán nhờ phá mật khẩu màn hình, chị V có hỏi về nguồn gốc chiếc điện thoại thì N trả lời là của N nên chị V đã phá mật khẩu màn hình chiếc điện thoại, N trả cho chị V 30.000đ tiền công rồi cầm điện thoại ra về.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 19/01/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố VY kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 4, màu sơn: trắng, màn hình cảm ứng, đã cũ, đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000đ.

Tại Cáo trạng số: 69/CT-VKSNDVY ngày 05/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố VY đã truy tố Diệp Văn N và Lãng Văn T về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Diệp Văn N và Lãng Văn T khai đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội D đã nêu trên.

Bị hại chị Đoàn Thị D trình bày: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15/01/2018, tại khu vực cổng Công ty Điện lực Thành phố VY chị bị hai thanh niên đi xe máy cướp giật chiếc điện thoại Samsung Galaxy Note 4, sau này chị được biết người cướp giật tài sản của chị là N và T. Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy Note 4, cơ quan điều tra Công an Thành phố VY đã trả lại cho chị, đổi chiếc sim điện thoại đã bị mất, chị không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị khoản tiền gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lãng Văn T và bà Hoàng Thị H trình bày: Năm 2016 gia đình ông, bà có mua 01 chiếc xe máy Yamaha Exciter với giá 48.300.000đ (T đóng góp 10.000.000đ) gia đình cho T sử dụng chiếc xe và đăng ký xe đứng tên Lãng Văn T. Quá trình sử dụng bị cáo T đã sử dụng chiếc xe trên đi cướp giật tài sản, ông, bà không biết. Đối với chiếc xe máy, ông, bà đề nghị được trả lại.

Người làm chứng anh Hoàng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra anh Đ khai nhận phù hợp với nội D Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Diệp Văn N từ 03 năm 06 tháng đến 4 năm tù; áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt Lãng Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước 1/5 giá trị chiếc xe máy BKS 88E1 – 177.37 cùng đăng ký xe mang tên Lãng Văn T. Xác nhận Cơ quan điều tra Công an thành phố VY đã trả lại cho chị Đoàn Thị D chiếc điện thoại Samsung Galaxy Note 4; trả lại chị Phùng Kim T số tiền 2.615.000đ;

Bị cáo Diệp Văn N và Lãng Văn T không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Diệp Văn N và Lãng Văn T tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15/01/2018, Lãng Văn T điều khiển xe máy BKS 88E1 – 177.37 chở Diệp Văn N về nhà ở huyện TĐ, khi đi đến khu vực đối diện công ty điện lực thuộc phường Liên Bảo, thành phố VY N và T nhìn thấy anh Hoàng Văn Đ đang đi xe đạp điện chở chị Đoàn Thị D đang đi phía trước, trên tay chị D cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 4, nên N và T cùng bàn bạc cướp giật điện thoại của chị D. T điều khiển xe máy vượt lên áp sát bên trái xe anh Đ, N ngồi sau dùng tay trái giật chiếc điện

thoại trên của chị D, sau đó T tăng ga bỏ chạy. Trị giá thiệt hại về tài sản là 2.500.000đ.

Hành vi của Diệp Văn N và Lăng Văn T sử dụng xe máy là thủ đoạn nguy hiểm cướp giật tài sản đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...
d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm”.

Hành vi dùng xe máy cướp giật tài sản của các bị cáo là nguy hiểm có thể gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác, hành vi này đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội Hội đồng xét xử nhận thấy

Các bị cáo phạm tội theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao N của khung hình phạt tù đến 10 năm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng

Về nhân thân: Năm 2014 bị cáo N bị Tòa án nhân dân huyện TĐ xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo N chấp hành xong hình phạt tháng 8/2016, bị cáo chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này là tái phạm, bị cáo N phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về vai trò, bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê, trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản, T là đồng phạm. Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong vụ án T là đồng phạm giản đơn, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng nào. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian N định mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Bị cáo N và T đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử dưới khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và

những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án:

Đối với chị Nguyễn Thị L là người được N gửi chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 4 cướp giật được của chị D và chị Đặng Thị V là người phá mật khẩu màn hình chiếc điện thoại trên. Quá trình điều tra xác định, chị L và chị V không biết nguồn gốc chiếc điện thoại trên do N, T phạm tội mà có. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị L và chị V.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm Dân sự: Chị Đoàn Thị D sau khi được cơ quan điều tra Công an thành phố VY trả lại chị D 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy Note 4, chị D không có yêu cầu N, T phải bồi thường đối với chiếc sim điện thoại và bồi thường gì khác nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 4, màu trắng, màn hình cảm ứng và 01 sim Viettel số 0969.583.496 quá trình điều tra xác định là của chị Đoàn Thị D, chiếc sim điện thoại N đã vứt bỏ cơ quan điều tra không thu giữ được. Ngày 23/3/2018, cơ quan điều tra Công an thành phố VY đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị D; đối với 01 căn cước công dân mang tên Diệp Văn N và số tiền 2.615.000đ, quá trình điều tra xác định căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của bị cáo N cần trả lại cho N; đối với số tiền 2.615.000đ, quá trình điều tra xác định là của chị Phùng Kim Tuyết đưa cho N không liên quan đến hành vi phạm tội của N, T. Ngày 09/5/2018, cơ quan điều tra Công an thành phố VY đã trả lại chị Tuyết số tiền 2.615.000đ; đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ - đen, BKS 88E1 – 177.37 và đăng ký xe mang tên Lăng Văn T là phương tiện T và N sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra, ông Lăng Văn L và bà Hoàng Thị H khai nhận, chiếc xe máy ông bà mua với giá 48.300.000đ (T đóng góp 10.000.000đ). Do vậy, cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 1/5 giá trị chiếc xe máy BKS 88E1 – 177.37 cùng đăng ký xe mang tên Lăng Văn T; trả lại ông Lăng Văn L và bà Hoàng Thị H 4/5 giá trị chiếc xe máy BKS 88E1 – 177.37 sau khi bán phát mại.

[6] Về án phí: Bị cáo N và T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào điểm d khoản 2 điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Diệp Văn N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội:

“Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/01/2018.

1.2 Căn cứ vào điểm d khoản 2 điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Lăng Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/01/2018.

2. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1 Tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước 1/5 giá trị chiếc xe máy BKS 88E1 – 177.37 cùng đăng ký xe mang tên Lăng Văn T.

2.2 Trả lại ông Lăng Văn L và bà Hoàng Thị H 4/5 giá trị chiếc xe máy BKS 88E1 – 177.37 sau khi bán phát mại.

2.3 Trả lại bị cáo Diệp Văn N 01 căn cước công dân mang tên Diệp Văn N.

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Diệp Văn N và Lăng Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và luật sửa đổi một số điều của luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh VP;
- VKSND tỉnh VP;
- VKSND thành phố VY;
- Công an thành phố VY;
- Trại tạm giam - CA VP;
- Chi cục thi hành án VY;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đường

